

Số: TVHN-65/AGIA

An Giang, ngày 06 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/3 xấp xỉ cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-310cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất ngày 05/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 05/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 35cm, xuống 07cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- + Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, sau đó xuống chậm trong những ngày tới.
- + Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có khả năng đạt đỉnh triều trong chiều tối ngày 06/3, sau đó xuống chậm trong 5 ngày tiếp theo.
- + Khu vực nội đồng TGLX: Do ảnh hưởng lượng mưa lớn trên khu vực nên mực nước trên các kênh, rạch đều lên nhanh trong 2-3 ngày tới, từ ngày 08/3 có xu thế xuống chậm trở lại.
- + Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 07/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	05/3		04/03		kỳ 2025		TBNN		06/3	07/3	08/3	09/3	10/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	139	0	▲	19	▲	28	▲	142	140	138	136	133
					Hmin	-4	9	▲	19	▲	-15	▼	4	2	-4	-7	-10
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	147	4	▲	12	▲	41	▲	150	148	146	142	137
					Hmin	-18	15	▲	19	▲	-2	▼	-10	-12	-18	-22	-27
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	118	8	▲	12	▲	18	▲	121	119	117	115	112
					Hmin	45	7	▲	22	▲	11	▲	53	51	45	42	39
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	154	3	▲	9	▲	38	▲	157	155	153	149	145
					Hmin	-6	14	▲	17	▲	-11	▼	1	-1	-7	-10	-14
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	164	4	▲	13	▲	50	▲	168	166	164	160	155
					Hmin	-10	17	▲	23	▲	16	▲	-2	-4	-10	-13	-17
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	150	1	▲	14	▲	36	▲	153	151	148	144	139
					Hmin	-14	16	▲	22	▲	-6	▼	-6	-8	-14	-17	-21
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	48	-2	▼	15	▲	8	▲	54	62	63	61	59
					Hmin	24	-1	▼	18	▲	10	▲	23	31	36	35	33
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	38	-3	▼	16	▲	9	▲	42	50	49	47	45
					Hmin	34	-2	▼	20	▲	8	▲	32	42	43	42	39
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	46	-1	▼	17	▲	7	▲	48	53	55	53	51
					Hmin	43	0	▲	20	▲	10	▲	43	48	50	49	46
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	48	-2	▼	17	▲	11	▲	50	55	57	55	53
					Hmin	44	0	▲	19	▲	13	▲	44	49	51	50	47
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	56	-1	▼	17	▲	12	▲	58	63	65	64	62
					Hmin	52	0	▲	20	▲	15	▲	52	57	59	58	55
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	52	-2	▼	13	▲	11	▲	56	64	64	62	60
					Hmin	26	-1	▼	13	▲	9	▲	27	35	40	39	37
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	64	-4	▼	14	▲	25	▲	67	73	74	73	71
					Hmin	47	-6	▼	14	▲	18	▲	47	55	57	56	54
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	52	-3	▼	7	▲	9	▲	54	59	61	59	57
					Hmin	46	-3	▼	11	▲	13	▲	46	51	53	52	49
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	36	-4	▼	15	▲	13	▲	40	48	47	45	43
					Hmin	28	0	▲	16	▲	11	▲	26	36	37	36	33
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	78	-4	▼	11	▲	23	▲	81	87	88	87	85
					Hmin	62	-3	▼	13	▲	23	▲	62	70	72	71	70
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	105	-2	▼	13	▲	29	▲	108	114	115	114	112
					Hmin	58	-1	▼	12	▲	17	▲	58	66	68	67	66

Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	73	-3	▼	9	▲	9	▲	76	82	83	82	80
					Hmin	47	-4	▼	7	▲	4	▲	47	55	57	56	55
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	56	-5	▼	5	▲	3	▲	57	62	63	63	62
					Hmin	45	-5	▼	11	▲	8	▲	44	50	52	51	50
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	41	-4	▼	4	▲	4	▲	42	47	48	48	47
					Hmin	32	-5	▼	10	▲	13	▲	31	36	37	36	35
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	29	-2	▼	10	▲	-7	▼	31	32	32	30	28
					Hmin	-8	-8	▼	-5	▼	10	▲	-7	-5	-1	-3	-5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	35	-7	▼	-26	▼	-8	▼	30	28	32	38	43
					Hmin	-24	-1	▼	13	▲	7	▲	-20	-13	-11	-15	-23

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





